

Văn-hóa Việt khác với văn hóa Du Mục (Trung Hoa).

I/ Địa-thể phát-sinh nền văn-hóa đặc-thù:

Nền văn-hóa của một dân-tộc thường khởi đầu khi dân-tộc được hình-thành. Tiến-trình tồn tại của văn hóa luôn-luôn chịu sự chi-phối của bối-cảnh lịch-sử - xã-hội.

Nói đến văn-hóa Việt không thể nào không nói đến **chủ thể của nó**.

Theo “*khảo-cổ-học*”, đặc-biệt ở Việt Nam nhiều chứng-tích khảo-cổ đã tìm thấy ở nhiều địa-điểm như ở vùng lưu-vực sông Mã, sông Cả, sông Lam, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Sa Huỳnh, Quảng Nam, Đà Nẵng, ở vùng Óc Eo, Đồng Nai,... Đại-thể những xương cốt tìm được ở những vùng đất này, nói chung người Việt Nam, Thái Lan, Mã Lai, Nam Dương, Miến Điện đều giống nhau về đại thể và đều thuộc đại chủng Nam Mongoloid, tất-nhiên có pha chủng đại-dương da đen, tóc quăn nhiều hay ít tùy thuộc từng địa-phương.

Qua phương-pháp phóng xạ C-14, người ta đã xác-định được những sọ người đào được ở Ngưỡng Thiều, Long Sơn, đa số thuộc đại chủng Nam . Mongoloid, như người miền Nam Trung Hoa ngày nay. Càng đi lần về phương Nam, người ta càng thấy gần trung-tâm Hòa Bình của Việt Nam, càng gặp những xương cốt có niên đại cổ hơn. Do đó *văn hóa Hòa Bình ở Việt Nam có những niên đại xưa hơn, nên coi như là gốc của nền văn-hóa Đông Nam Á.*

Cuộc hội-thảo ở Berkeley vào năm 1978 đã đưa đến kết-quả việc ấn-hành cuốn “*The Origins of Chinese Civilization*”, nội-dung đã làm sáng-tỏ những vấn-đề về cổ sử Trung Hoa, cổ sử Việt Nam và Đông Nam Á:

- Trong nội địa Trung Hoa, văn hóa miền Nam có trước văn hóa miền Bắc Trung Hoa.

- Văn hóa miền Nam Trung Hoa có nhiều nét giống văn hóa Hòa Bình, và có sau văn hóa Hòa Bình.

Tác-giả bộ sách “*Science and Civilization in China*”, giáo-sư Joseph Needhan đã đưa ra nhận định là có sáu (6) nền văn-hóa cổ đại đã hội-tụ thành văn-hóa Trung Hoa:

1/ Nền văn-hóa gốc người Tung-Gu-Xích từ phương Bắc ảnh-hưởng đến lối sống người Ngưỡng Thiều và Long Sơn.

2/ Văn-hóa từ Tây Bắc tới, có nguồn-gốc là người Thổ (Turkish), chuyên nghề săn bắn và trồng lúa tẻ, biết cách thuần-hóa ngựa.

3/ Từ phương Tây đến, gốc cổ Tây Tạng.

4/ Còn bốn, năm và sáu từ phương Nam và Đông Nam truyền lên.

Trên khía-cạnh văn-hóa, vào năm 1953, hai nhà khoa-học Pháp A. Leroi-Gourhan và R. Poirier đã nhấn mạnh rằng: “*Vùng Đông Dương nằm trong khu-vực xuất-hiện con người từ rất sớm.*”

Qua những điều nêu trên, địa-bàn của văn hóa Việt khởi nguồn từ nền văn-hóa Hòa Bình, nền văn hóa bản địa, tỏa rộng trong vùng Đông Nam Á. **Chủ nhân (chủ thể) của nền văn-hóa ấy chính là dân Việt.**

Về phương diện học thuật, Khổng Tử, coi như là một “*Vạn thế sư biểu*” cũng phải tự thú nhận “*thuật nhi bất tác*” (*Thuật lại chứ không sáng tác*), và trong sách Trung Dung cũng đã viết: “*Nam phương chi cường dã, quân tử cư chi...*” (*Người quân tử phải chọn cái cường phương Nam là khoan nhu chi giáo, bất báo vô đạo*) làm y cứ, thì cũng đã nói lên hai nền văn hóa Bắc - Nam khác nhau.

Xét về địa lý, ngay từ thời xa xưa, tại Hoa Lục trên vùng trung lưu hai triền sông Hoàng Hà ở phía Bắc, và Dương Tử ở phía Nam, dân cư vùng Hoa Bắc sống nghề **du-mục** (săn bắn) - thành phố phía Nam và Đông Nam **định cư trồng lúa nước**. Tục ngữ Trung Hoa có câu: “**Bắc cõi ngựa, Nam chèo thuyền**” để chỉ rõ sở trường của mỗi miền.

Khi nền văn minh Trung Hoa nêu lên với danh xưng Văn hóa Tàu đầu tiên xuất-hiện, thì vùng đất miền Nam đã có những sắc dân cư ngụ tại đó và họ đã có một nền văn hóa cao. Như vậy cuộc bành trướng về phương Nam của người Tàu đã làm phong-phú cuộc sống cho họ.

Cũng như giáo sư Wolfram Eberhard: “*Ý kiến cho chủng tộc Hán (Hoa) đã sản-sinh ra nền văn minh cao độ hoàn-toàn do tự lực, do những tài năng đặc-biệt của họ, thì nay đã không thể đứng vững. Chúng ta thấy rằng không hề có một nước Trung Quốc văn minh với chung quanh toàn là những dân tộc man rợ; mà chỉ có một nước Trung quốc với các nước chung quanh cũng văn minh như họ, tuy theo một đường lối khác*” (No longer see Chinese as a great civilization surrounded by barbarians, but we study the Chinese coming to terms with their neighbors, who had civilizations of quite different types...)

(A History of China”, University of California Press, Berkely and Los Angeles , 1071.)

II/ Chủ thể của nền văn-hóa nông nghiệp trồng lúa nước:

Nền văn-hóa của một dân-tộc thường khởi đầu khi dân-tộc được hình-thành. Tiến-trình tồn tại của văn hóa luôn-luôn chịu sự chi-phối của bối-cảnh lịch-sử - xã-hội.

Nói đến văn-hóa Việt không thể nào không nói đến **chủ thể của nó**.

Theo “*khảo-cổ-học*”, đặc-biệt ở Việt Nam nhiều chứng-tích khảo-cổ đã tìm thấy ở nhiều địa-điểm như ở vùng lưu-vực sông Mã, sông Cả, sông Lam, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Sa Huỳnh, Quảng Nam, Đà Nẵng, ở vùng Óc Eo, Đồng Nai,... Đại-thể những xương cốt tìm được ở những vùng đất này, nói chung người Việt Nam, Thái Lan, Mã Lai, Nam Dương, Miến Điện đều giống nhau về đại thể và đều thuộc đại chủng Nam Mongoloid, tất-nhiên có pha chủng đại-dương da đen, tóc quăn nhiều hay ít, tùy thuộc từng địa-phương.

Qua phương-pháp phóng xạ C-14, người ta đã xác-định được những sọ người đào được ở Ngưỡng Thiều, Long Sơn, đa số thuộc đại chủng Nam . Mongoloid, như người miền Nam Trung Hoa ngày nay. Càng đi lần về phương Nam, người ta càng thấy gần trung-tâm Hòa Bình của Việt Nam, càng gặp những xương cốt có niên đại cổ hơn. Do đó *văn hóa Hòa Bình ở Việt Nam có những niên đại xưa hơn, nên coi như là gốc của nền văn-hóa Đông Nam Á.*

Cuộc hội-thảo ở Berkeley vào năm 1978 đã đưa đến kết-quả việc ấn-hành cuốn “*The Origins of Chinese Civilization*”, nội-dung đã làm sáng-tỏ những vấn-đề về cổ sử Trung Hoa, cổ sử Việt Nam và Đông Nam Á:

- Trong nội địa Trung Hoa, văn hóa miền Nam Trung Hoa có trước văn hóa miền Bắc Trung Hoa.

- Văn hóa miền Nam Trung Hoa có nhiều nét giống văn hóa Hòa Bình, và có sau văn hóa Hòa Bình.

Trên khía-cạnh văn-hóa, vào năm 1953, hai nhà khoa-học Pháp A. Leroi-Gourhan và R. Poirier đã nhấn mạnh rằng: “*Vùng Đông Dương nằm trong khu-vực xuất-hiện con người từ rất sớm.*”

Qua những điều nêu trên, địa-bản của văn hóa Việt khởi nguồn từ nền văn-hóa Hòa Bình, nền văn hóa bản địa, tỏa rộng trong vùng Đông Nam Á. **Chủ nhân (chủ thể) của nền văn-hóa ấy chính là dân Việt.**

III/ Những Đặc Thái Tư-tưởng Việt:

1/ Thiên lý khác với thiên mệnh, Ngọc Hoàng, Thượng đế :

Ta có truyện ông Bàn Cổ không do thần mình mà do chính mình xuất hiện, phán định âm dương. Ông Bàn Cổ lớn đến đâu thì kích thước vũ-trụ lớn rộng đến đó. Đôi khi con người còn “ngông” cả với trời đất:

*“Bác thang lên hỏi ông trời,
Bắt bà Nguyệt lão đánh mừaì cẳng tay.”*

(Ca dao)

Ý “Trời” trong Việt Nho luôn-luôn tác động theo hướng thiện, có nghĩa là hiếu sinh (*Đức hiếu sinh của Trời Đất*) giúp cho sự sống của muôn vật. Trời trong Việt Nho là thiên lý, không phải là một người, dù là vô hình.

*Núi kia, ai đắp nên cao
Sông kia, biển nọ, ai đào mà sâu?*

Con người được sánh ngang với Trời - Đất. Ý này rất rõ ràng trong bài thơ “Vịnh Tam Tài” của nhà chí-sĩ Trần Cao Vân:

*Trời Đất sinh Ta có ý không?
Chưa sinh Trời Đất có Ta trong.
Ta cùng Trời, Đất ba ngôi sánh,
Trời, Đất cùng Ta một chữ đồng.
Đất nứt Ta ra, Trời chuyển động,
Ta thay Trời mở Đất mênh-mông.
Trời che, Đất chở Ta thông-tha,
Trời, Đất, Ta đây đủ hóa công.*

Ta thấy trời đối với người Việt không phải là một chúa tể với thần quyền tối thượng, (*vũ trụ quan siêu hình hay thần quyền*) mà chỉ là bầu vũ-trụ chuyển biến có nguyên-nhân mà con người có thể tìm hiểu được (*sức biết con người đến đâu, vũ-trụ có tên đến đó*).

Từ thời Tam Đại, Trung Hoa đã biến “Trời” thành một nhân-vật có quyền lực tối cao, sau Khổng Tử đã khoáng-trương và minh-định thành một hệ-thống tư-tưởng, nung-đúc và khuôn-khổ cả guồng máy quân chính, và xã-hội vào hai ý niệm “Trời” và “trật tự” theo “ý Trời”. Khổng Tử đã mở đường cho huyền-thoại “Trời”. “Mệnh Trời” đi sâu vào tâm-trí mọi người, vào lớp quyền-quý, phú-hào.

2/ Tinh thần “*chân bình đẳng*” của Việt khác với chế độ “*giai cấp thống trị*” của Tàu:

Đối với xã-hội nông nghiệp, thiên-nhiên ảnh hưởng quan-trọng đến nhân sinh, cho nên mối liên-hệ giữa vũ-trụ với nhân sinh cần có sự hòa-đồng, Hơn nữa, tất cả những giá trị, cao thấp, sang hèn đều do xã hội định đặt, còn thực sự con người thì

*“Hơn nhau tấm áo, manh quần,
Thả ra lột trần, ai cũng như ai.”*

(Ca dao)

Bởi vậy, ta thấy Nguyễn Khuyên, một nhà Nho cao danh, khi họp việc làng, không nề cách bực:

*“... Chú Đáo xóm đình lên với tớ,
Ông Từ trong xóm lại cùng ta...”*

(Nguyễn Khuyên)

Khác hẳn với chế-độ phân phong đẳng-cấp của tông pháp Tây Chu. “*Lễ không xuống đến dân thường, hình không lên đến đại phu*” (*Lễ bất há thứ dân, hình bất thượng thương phu*).

Và thời Chu, vào 535 trc. C.N.:

“Xã hội chia làm **10 cấp**. Do những cấp trật ấy mà kẻ dưới phụng-sự người trên của chúng, người trên làm tròn bổn-phận của mình đối với quý thần. Bởi vậy cho nên vua trung-ương có thần tử là vua chut-hầu. Chut-hầu có thần tử là công khanh. Công khanh có thần tử là quan chức của mình. Quan chức có thần tử là ty chức. Ty chức có thần tử là vô số các quan lại nhỏ. Quan lại nhỏ có thần tử là nhân viên của mình. Nhân viên có thần tử là bộc lệ, bộc lệ hay nô-bộc có kẻ phụ dịch, ngựa có kẻ chăn ngựa, trâu bò có kẻ chăn dắt. Và như thế mọi vật đều có định cả.”

“Quyền cai-trị của ngôi thiên-tử bao-trùm khắp cả thiên-hạ. Tất-cả mọi người sống trong nước, ai cũng là kẻ thần dân của nhà vua. (“Bậc thiên chi hạ, mạc phi vương thổ, xuất thổ chi tân, mạc phi vương thân.”) (Khắp cả dưới trời, đâu cũng là đất vua? Đi suốt cả bốn đất, không ai là không phải tôi của vua?) [Tiểu Nhã].

Bởi vậy mới có câu:

Đời ông cho tới đời cha
Đời nào khổ cực như ta đời này.
Ngoài đồng cấy cày, giăng giây,
Vườn ngoài đóng thuế, vợ gầy con khô
Sưu cao, thuế nặng biết dâng mô, hỏi trời!

3/Tinh thần “**hài hòa**” khác với kỳ thi “**Tứ Di**”:

Xã hội Việt vốn là xã-hội nông nghiệp. Qua chế-độ quân điền (*chia đều ruộng đất*), nông dân nào cũng có ruộng để cày cấy sinh nhai, trong khi đó nhiều quốc gia, ngay cả ở Á Châu, vì không có chế độ quân điền, hay bỏ chế-độ đó mà nông dân biến thành nông nô. Nghề nông gắn liền với môi-trường thiên-nhiên và xã-hội, nên tư tưởng của nông dân Việt là hài hòa, *thống nhất vũ trụ - con người và xã hội*.

Hình thức nhà nông đổi công cho nhau, nhất là các tập tục “hội Xuân” trong dịp tết, đều nói lên tinh thần “Hòa Hài” của văn-minh nông-nghiệp.

Trái lại, lý tưởng “*Bốn Bể Một Nhà*” (*Tứ hải giai huynh đệ*) thực-sự chỉ là cái bình phong che đậy ý-đồ xâm lăng và Hán hóa. Dân Hán xưa nay, vốn tự tôn, tự đại, coi các sắc dân chung quanh là “*Tứ Di*” (*Đông Di, Tây Nhung, Bắc Địch và Nam Man*). Cứ nhìn vào lá cờ Trung Cộng có 4 ngôi sao nhỏ chầu một ngôi sao lớn, Đó là tiếp-tục truyền thống tự tôn và xâm lăng của Trung Quốc! Bốn ngôi sao nhỏ không những nhắc lại quan niệm “*tứ di*”, và cũng nói lên ý nghĩ ngạo-mạn “*Trung Quốc là trung tâm điểm văn minh của thế giới, bốn biển chầu về Trung Quốc*”!

Điểm qua lịch sử Trung Quốc, ta thấy:

- Nhà Tần xâm lăng Âu Lạc nhưng không thành công.
- Nhà Triệu chiếm Âu lạc (năm 179 tr. T.L.) lập ra Nam Việt.
- Các nhà Hán, Tùy, Đường cai-trị Việt Nam gần 1000 năm (11 tr. T.L. đến 938 sau T.L.).
- Nhà Tống xua quân đánh Việt Nam hai lần nhưng đều thất bại, ngược lại bị Việt Nam đem quân phá Tống (*Lý Thường Kiệt đột phá châu Ung và châu Liêm, lấy công làm thủ*).
- Nhà Nguyên (Mông Cổ) đánh Việt Nam 3 lần đều thất-bại (1258, 1284, và 1285).

- Nhà Minh đánh chiếm Việt Nam trong 20 năm, sau cùng thất bại.
- Nhà Thanh đem 10 vạn quân Thanh xâm lăng Việt Nam, nhưng bị người anh hùng Nguyễn Huệ đánh cho thảm bại...

Gần đây, Trung Cộng đã cưỡng chiếm Hoàng Sa, Trường Sa, và đe dọa các tiểu nhực ở Viễn Đông.

4/Tinh thần “**trung tín**” của Việt Nho khác với “**Xu phụ , đế chế cực quyền**”:

Trung Tín trong chính Nho là trung nghĩa và thành tín. Từ thời Tần về sau, “**trung tín**” trở thành “*Tuyệt đối thờ vua*” (*Trung thần bất sự nhị quân*) hay “*Quân xử thần tử, thần bất tử bất trung*”). Sang thời “**Đế chế cực quyền**”, cả một nền văn học Hán và Tống Nho đã đúc nặn ra một bọn bày-tôi nô-lệ, tranh nhau xu phụ cường quyền, ngược lại với tinh-thần nho sỹ thời “*Phong kiến truyền hiền*” chỉ nhắm vào cái lý đương nhiên, hay thiên lý bàng-bạc trong trời đất.

Tinh thần xu-phụ cường quyền này ảnh hưởng sang Việt Nam, mà nhà Nho Cao Bá Quát đã diễn tả:

“Ngán nhẽ kẻ tham bề khoa lợi, mũ cánh chuồn đội trên mái tóc, nghiêng mình đứng chực cửa hầu môn.

Quần bao kẻ mang cái dầm danh, áo giới lân trùm dưới cơ phu, mỗi gối quỳ mòn sân tướng phủ...”

hay “*Cánh bướm bề hoạn mệnh-mang*

Cái phong ba khéo cợt phùng lợi danh...”

Chính thái-độ xu-phụ này đã sản-sinh ra các từ-ngữ Hán dân, Hán tộc, Hán học, Hán tự, Hán văn,...không có trong thời phong-kiến!

Như chúng ta đã biết, thời nhà Tần, Nho học và Nho sỹ bị diệt (*Phần thư, khanh Nho*). Nho sỹ trải một thời thật khốn khổ, không có chỗ dung thân. Thế rồi, Hạng Vũ và Lưu Bang tranh thiên-hạ của nhà Tần. Lưu Bang trọng dụng nho sỹ, Lưu Bang làm vua đất Hán Trung, nên gọi là Hán vương. Nho sỹ phò Hán vương, bày mưu thiết kế, phò-trương ân đức của Hán vương. Sau khi thắng được Hạng Vũ, muốn trấn-áp lòng người, và hướng tất cả vào quyền lực nhất thống của Hán triều, người ta tuyên--truyền dựng lên những ý niệm mới bằng những từ-ngữ: *Hán văn, Hán tộc, Thiên tử thụ mệnh ư thiên*,...Tới hiện đại, trong các cuộc vận-động cách-mạng khôi-phục danh phẩm của tập-thể nhân văn Hoa Lục, ý niệm Hán tộc lại càng được khôi-phục một cách hồ-hởi!

5/Truyền thống “**Nam - Nữ bình quyền**” khác với “**Trọng Nam khinh nữ**” của Hán tộc:

Xưa kia: *Trai làm chi, gái làm chi,*

Con nào có nghĩa, có nghì thì hơn”

(Ca Dao)

hay “*Lệnh ông không bằng công bà.*”

Nhưng tiếc thay, sau khi bị du-mục Hán tộc đô hộ, dân Việt bị hấp thụ những tư-tưởng hủ Nho!

Đối với Hán Nho không nhìn phụ-nữ trên con người toàn diện, mà chỉ chú vào sắc tính với vai-trò nội-trợ và sinh đẻ! Chính ở điểm này mà ta thấy mặc dầu tán-tụng Khổng Tử là “*bạc thày muôn thuở*” (*Vạn Thế Sư Biểu*), mà không một lời nói đến Khổng phu nhân!

Việt phong khác với Nho phong đã được vạch rõ trong bài thơ “*Du Xuân*” của nữ-sĩ Hồ Xuân Hương:

Tám cột khen ai khéo khéo trồng,

Người thì lên đánh, kẻ đứng trông:

Trai đu gối hạc khom-khom cật,

Gái uốn lưng ong, giữa-ngữa lòng.

Bốn mảnh quần hồng bay phát-phới,

Đôi hàng chân ngọc duỗi song-song.

Chơi xuân mới biết xuân chẳng tá

Cọc nhỏ đi rồi, lỗ bỏ không!

Để nói lên tính cách phóng khoáng giữa trai và gái của giới bình dân, ta có thể tìm thấy trong các bài ca-dao như trai ướm tình với con gái: Tinh thần bình đẳng và phóng khoáng này khác với quan niệm: *Nam nữ thụ thụ bất thân - Bất đồng tịch, đồng sàng, chồng chúa vợ tôi của dân Hán.*

Trai đã không e-ngại mượn cớ “*quên áo*” để ướm tình, thì gái cũng mạnh-dạn:

*Vào vườn hái quả cau xanh,
Bỏ ra làm tám, mời anh xơi trầu.
Trầu này tằm những vôi Tầu,
Ở giữa đềm quế, hai đầu thơm cay.
Mời anh xơi miếng trầu này.
Dù mặn, dù nhạt, dù cay, dù nồng.
Dù chẳng nên đạo vợ chồng
Xơi dăm ba miếng kẻo lòng nhớ thương.*

(Ca Dao)

Đối với Hán Nho không nhìn con người phụ-nữ toàn diện, mà chỉ chú vào sắc tính phân-biệt họ với đàn ông. Hán nho lo sao thuộc-hạ-hóa cái sắc tính ấy coi như một vật rừng. Thay vì có thể “vật ngã”, người Hán nho, thì phụ-nữ giúp đỡ nho sĩ những việc gia-đình (nội trợ), và nhất là sinh đẻ cho kẻ sĩ con cái nối dõi tông đường (khi người vợ không có con là phạm tội thất xuất, người chồng tức vị nho sĩ có quyền đuổi về, dầu chẳng biết ve đâu?).

Ngược lại, Việt phong không chia cắt xã-hội con người thành giai-cấp (quân tử, tiểu nhân) thành quý - tiện giữa đàn ông và đàn bà, mà cũng chẳng tách con người lên khỏi cái sống chung với muôn loài.

Khi một cặp nam nữ rủ nhau đánh đu trước công chúng thì đương-nhiên không có phân-biệt quý - tiện giữa hai người và cả trong cái nhìn của công chúng khán-giả tán-thưởng trò vui. Một hội hè, đình đám là tổ-chức vui chung, ai muốn vui và truyền vui cho người khác đều được tán thưởng. Một nho sinh thấu-nhuần tinh-thần giai-cấp không bao giờ tham-dự một trò vui bình-dẳng như vậy...

Trò vui trong các hội xuân, vừa là cơ-hội để mọi người vui hòa trong cuộc sống cộng-đồng, giải-tỏa bớt những căng-thẳng tích góp trong những sinh-hoạt thường nhật, vừa là cơ-hội dành cho nam nữ gặp-gỡ trao tình, đổi ý với nhau. Đây chính là chủ tâm của các vị trưởng thượng trong thôn ấp, mà cũng là tập-quán truyền lại từ lâu đời.

6/Lý tương-đối (Tư duy đối-ứng) :

Nước là yếu tố cần thiết thứ nhất trong nghề nông. Sự sống bắt nguồn từ nước. Nước cần-thiết cho sự sống của con người, nhưng nước cũng là mối hiểm-họa đe-dọa con người, nào là chết đuối, đắm thuyền, sóng thần, mưa bão, lũ lụt. Nước là một tai họa lớn mà dân Việt xưa đã phải lo chống đỡ vất-vả. Nạn lũ-lụt ở đồng-bằng sông Hồng đã phản-ảnh trong câu chuyện Sơn Tinh và Thủy Tinh...

Từ kinh-nghiệm sống cụ-thể cho thấy nước có thể chở thuyền nhưng cũng có thể làm cho đắm thuyền. Triết-lý sống đó được huyền-thoại-hóa và bác-học hóa qua biểu-tượng tổ kép Tiên Rồng với óc tưởng-tượng vô cùng phong-phú, đầy sáng-tạo trên nền-tảng tư duy của đối-ứng với cái nhìn liên-tưởng : Tương và dụng của Rồng là dương, nhưng thể của Rồng là âm (ở dưới nước, tiềm phục); tương và dụng của Tiên là âm, nhưng thể lại là dương (ở trên núi, tươi sáng).

Bao-quát trong vũ-trụ, không một chốn nào, phút nào không có âm dương. Trong “âm có dương, trong dương có âm”. Diễn rộng ra: non - nước, dương nóng - âm lạnh, cứng - mềm, động - tĩnh, ... tuy hai mặt, nhưng một thể. Bất-cứ vật gì cũng có “âm và dương”, cả hai mặt là một, không

thể tách rời nhau. Không có khí (*dương*) thì không có cái sinh, không có âm thì không có hình. Khi âm cực thì dương bắt đầu manh nha; ngược lại dương cực thì âm nảy nguồn (*Âm - dương tiêu trường, phản phục tuần hoàn*”, đó là lý vận hành của trời đất.)

Có lẽ thấm-nhuần sâu xa quy-luật này, nên ca-dao, tục-ngữ Việt có những câu như :

*Chắc quá hóa lép,
Sướng lắm khổ nhiều,
Hết khôn đôn đến dại,
Giàu đâu ba họ, khó đâu ba đời.
Mưa đâu qua ngõ, gió đâu qua mùa.
Bĩ cực thái lai.
Khổ tận cam lai.
Nước có lúc đục, lúc trong
Người có lúc nhục, lúc vinh,...*

Văn vẻ hơn: *Kinh đô cũng có người rồ,
Man di cũng có sinh đồ trạng nguyên.”*

(*Ca Dao*)

“*Cùng tắc biến*”, “*Cực lạc sinh bi*” là trong tuyệt-đối đã có tương-đối vậy.

Lối tư duy đối ứng là tụ điểm hóa-giải đối-lập, vượt-thoát mâu-thuẫn, đưa đến tổng-hợp hòa-hài (*đối lập thống nhất*). Thần tổ kép Tiên Rồng là biểu-tượng đối ứng, diễn-đạt quan-niệm đối-lập thống-nhất trong tư duy người Việt .

Đây là cơ - sở ảnh-hưởng sự hình thành tinh-thần tổng-hợp và dung-hóa của dân-tộc Việt trên nền-tảng của cái nhìn. Tinh-thần tổng hợp và dung-hóa.

.....

Kết:

Đến đây đủ chứng tỏ không những về địa-bàn, chủng-tộc và nhất là về văn-hóa, dân Việt ta đã có một nền “*văn minh trồng lúa nước*”, khác hẳn với “*văn minh du mục*”.

Cũng may, nhờ sự tiến-bộ của các ngành như Chủng-tộc học, Địa-chất học, Sử học, Khảo-cổ học, Di truyền học, v.v... mà ngày nay, chúng ta không còn nghi-ngờ gì nữa về chủng-tộc của mình, và những nét văn-hóa đặc-thù của Việt Nam.

Nếu ai còn nghi-ngờ “*Văn-hóa Việt chỉ là nền “văn-hóa học nhờ viết mượn*” của Trung Hoa thì chỉ cần nhắc lại câu “*Thuật nhi bất tác.*” (*Chỉ thuật lại, mà không sáng tác*) của Khổng tử sẽ thấy rõ tính chất cổ đại của nền văn minh trồng lúa nước sáng chói 073 vùng Đông Naqm Á Châu.

Văn hóa là dòng sống, một dòng sống tất phải luân lưu, liên tục, nối liền dĩ vãng - hiện tại và tương lai.

Phải tìm về dĩ vãng để thấy những cái hay, nét đẹp của gốc nguồn mà bồi bổ vào cho thêm tươi sáng, và vững mạnh.

NHững tinh-hoa của lịch sử tạo được nhờ ở tình yêu với máu đào, nước mắt và mồ hôi, võ công và văn trị đã tô điểm lên giang sơn những gq61m hoa tươi đẹp.

Đình Khang Hoạt